**Văn 7**

**Tuần 23**

**Tiết 89 , 90**

 ***ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ***

 ***- Phạm Văn Đồng –***

**I. Đọc - Hiểu chú thích :**

***1. Tác giả :***

- Phạm Văn Đồng ( 1906-2000)

- Quê : Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi

- Là nhà cách mạng nổi tiếng, nhà văn hoá lớn, tham gia cách mạng từ 1925, giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo Đảng.

***2. Tác phẩm*** :

a. Hoàn cảnh ra đời : Trích từ bài “ Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách dân tộc, lương tâm của thời đại” (1970).

b.Thể loại : Nghị luận chứng minh

c.Bố cục : 2 phần

- P1: 2 câu đầu

( Nhận định về đức tính giản dị của Bác. )

- P2: Còn lại

( Chứng minh cuộc sống giản dị của Bác bằng dẫn chứng và lí lẽ )

**II. Đọc - Hiểu văn bản :**

***1. Nhận định về đức tính giản dị của Bác Hồ :***

- Vấn đề nghị luận: Đức tính giản dị của Bác Hồ ( tên văn bản)

- Luận điểm :

 + Luận điểm chính: “ Điều quan trọng ….. vô cùng giản dị, khiêm tốn của Hồ Chủ tịch”

 (Sử dụng quan hệ từ, liệt kê, cách lập luận ngắn gọn, sâu sắc).

- > Nhận xét và chứng minh đức tính giản dị của Bác Hồ qua các phương diện: Bữa ăn, căn nhà, lối sống, lời nói, bài viết.

=> Ngợi ca phong cách sống cao đẹp của Bác Hồ , Người là vĩ nhân lỗi lạc, phi thường song cũng rất bình thường, gần gũi thân thương với mọi người.

**2. *Chứng minh sự giản dị của Bác:***

**a-Giản dị trong lối sống sinh hoạt hàng ngày:**

\* Trong sinh hoạt, làm việc:

- Bữa cơm chỉ có vài ba món...

- Cái nhà sàn chỉ vẻn vẹn vài ba phòng gần gũi thiên nhiên...

- Công việc bận rộn nhưng Bác không muốn làm phiền ai: *Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm viẽc, từ việc lớn... đến việc rất nhỏ...*

->Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu, rất đời thường, gần gũi với mọi người, dễ hiểu, dễ thuyết phục.

 =>Bác là người giản dị trong sinh hoạt và công việc.

**b. Bác giản dị trong quan hệ với mọi người:**

-Viết thư, gọi tên cho 1 đồng chí: *Trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi:*

-Nói chuyện với các cháu miền Nam.

- Đi thăm nhà tập thể của công nhân.

 ( Liệt kê những dẫn chứng tiêu biểu )

=>Bác quan tâm gần gũi và yêu quý tất cả moại người.

**c. Bác giản dị trong lời nói bài viết:**

-Không có gì quý hơn độc lập tự do.

-Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt nam là một; sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi .

-> Đây là những câu nói nổi tiếng , dễ hiểu của Bác, ai cũng biết.

=>Lời nói bài viết của Bác có sức lôi cuốn, cảm hóa lòng người.

\* Tình cảm tác giả: rất kính yêu và tôn trọng Bác

**III- Tổng kết :**

 Ghi nhớ: sgk (55).

**IV. Luyện tập ( Học sinh tự làm theo gợi ý)**

**Bài 1 (trang 55 sgk ngữ văn 7 tập 2)**

Một số ví dụ về sự giản dị trong đời sống và thơ văn của Bác:

“ Lối ăn ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị như thế nào, chúng ta đã từng biết. Lúc ở chiến khu, Người chung sống với anh em trong cùng một cơ quan, làm việc, học tập, ăn ở, sinh hoạt như anh em. Có những lúc, vì gạo thiếu hay khí hậu nặng, cần ăn ít một chút, Người cũng vui vẻ chịu đựng cùng anh em.”

**Bài 2 (trang 55 sgk ngữ văn 7 tập 2)**

Đức tính giản dị là một trong những phẩm chất đáng quý của con người, lối sống không cầu kì, xa hoa, đòi hỏi quá mức. Người có đức tính giản dị sẽ luôn cảm thấy dễ chịu trong cuộc sống, biết trân trọng những thứ mình đang có và biết thân thiện, chan hòa với mọi người, có được niềm vui, niềm hạnh phúc trong cuộc sống. Đức tính giản dị giúp con người sống thoải mái, dễ chịu và nhận được tình yêu quí của mọi người hơn.

**Ý nghĩa - Nhận xét về văn bản:**

    - Qua bài học, em thấy được giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ: Bác giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong cả lời nói và bài viết. Đức tính giản dị ở Bác hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp. Em học được cách lập luận bằng những dẫn chứng cụ thể và nhận xét sâu sắc lại thấm đượm tình cảm chân thành của tác giả với Bác Hồ.

 **----------------------------------------------------**

***TIẾT 91*. Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG**

 **(Hoài Thanh)**

**I. Đọc – Hiểu chú thích**

1. Đọc

- Yêu cầu: Giọng vừa rành mạch, vừa xúc cảm, chậm và sâu lắng.

2. Chú thích.

a. Tác giả: Hoài Thanh (1909- 1982) quê: Nghi Trung – Nghi Lộc – Nghệ An.

- Là một nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Việt Nam.

- Được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn hoá nghệ thuật (2000)

- Tác phẩm nổi tiếng: Thi Nhân Việt Nam (1942)

b.Từ khó: SGK

**II. Đọc- Hiểu văn bản:**

**1. Kiểu văn bản:**

- Nghị luận chứng minh một vấn đề văn học

- ý nghĩa của văn chương đối với cuộc sống của con người.

**2. Bố cục:**

- Đoạn 1 đầu → “muôn vật, muôn loài***”: nguồn gốc cốt yếu của văn chương.***

Đoạn 2: Còn lại: ***Phân tích, chứng minh ý nghĩa, công dụng của văn chương***

**3. Phân tích:**

**a. Nêu vấn đề:**

- Tác giả kể chuyện thi sĩ ấn Độ khóc nức nở khi thấy con chim bị thương rơi xuống cạnh chân mình 🡪 vào đề bất ngờ, tự nhiên, hấp dẫn, xúc động. Kể chuyện để dẫn dắt luận đề theo lối quy nạp.

- Tác giả không trực tiếp nêu vấn đề ý nghĩa của văn chương mà bắt đầu đi từ nguồn gốc cốt yếu của nó

- Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật muôn loài.

**b. Bàn về ý nghĩa, công dụng của văn chương trên cơ sở nguồn gốc cơ bản của văn chương:**

\* Tác giả khái quát “ Văn chương sẽ là….. sự sống” 2 ý: 2 nhiệm vụ của văn chương

- Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng → nghĩa là:

+ Hình dung với nghĩa là sự phản ánh bằng hình ảnh - hình tượng nghệ thuật - 1 cách thể hiện đặc trưng, đặc thù của văn chương NT

+ Đối tượng của văn chương: Thiên nhiên, vạn vật và chủ yếu là cuộc sống, thế giới tâm hồn con người qua cảm nhận của nhà văn 🡪 tái hiện trên giấy hoặc truyền miệng.

- Văn chương sáng tạo ra sự sống.

Nghĩa là:

+ Thế giới NT trong tác phẩm cũng sống động, hoạt động, linh hoạt, phức tạp với những đặc điểm riêng không hoàn toàn giống với cuộc đời thực.

 + Văn chương dẫn lên những hình ảnh, đưa ra những ý tưởng mà cuộc sống hiện tại chưa có, hoặc chưa đủ mức cần có để mọi người phấn đấu, xây dựng, biến chúng thành hiện thực tốt đẹp trong tương lai.

=> Nhà văn sáng tạo, tìm tòi, thể hiện cái mới bằng hình tượng NT ngôn từ chứ không chụp ảnh cuộc đời, vẽ truyền thần, nặn khuôn mẫu có sẵn .

\*Văn chương có những công dụng:

- Giúp cho người đọc có tình cảm và gợi lòng vị tha.

D/c: về sự xúc động của một người sau khi xem truyện, hay ngâm thơ.

- Gây cho người đọc có tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có -> khiến cho cuộc đời ta thâm trầm và rộng rãi hơn.

- Biết thưởng thức, nhìn nhận cái đẹp, cái hay của cảnh vật, thiên nhiên, cuộc sống.

D/c: Thiên nhiên nhờ đi vào văn chương nên được mọi người thấy đẹp hơn, hay hơn.

=> Văn chương làm cho tình cảm của người đọc trở nên phong phú, sâu sắc, tốt đẹp hơn.

\* Câu văn cuối cùng khẳng định:

Thế giới, cuộc đời thật nghèo nàn và buồn chán, thực dụng khi không còn nhà văn, không còn văn chương.

-> Được chứng minh bằng cách nối tiếp, cụ thể, giả định.

-> Đề cao ý nghĩa và công dụng của văn chương là món ăn tinh thần không thể thiếu của con người.

**III. Tổng kết:**

\**Ghi nhớ: SGK*

 ***TIẾT 92*. LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I.Hướng dẫn tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý**

***1. Tìm hiểu đề và tìm ý***.

- Vấn đề cần chứng minh: lòng biết ơn người đã tạo ra thành quả để mình hưởng

*a. Tìm hiểu đề*.

- Đó là một đạo lí sống đẹp của dân tộc Việt Nam

- Yêu cầu lập luận chứng minh: Đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng thích hợp để người đọc, người nghe thấy rõ được quan điểm ở đề bài này là đúng.

*b. Tìm ý*:

- Ý nghĩa của 2 câu tục ngữ:

Hai câu tục ngữ nêu lên bài học về lòng biết ơn những người đã tạo ra thành quả để mình hưởng.

- Biểu hiện của đạo lí “ăn quả…cây”. “Uống …..nguồn”

+ Con cháu kính yêu và biết ơn tổ tiên ông bà, cha mẹ.

+ Các lễ hội tưởng nhớ đến những anh hùng dân tộc, Giổ tổ Hùng Vương, Hội Gióng.

+ Tôn sùng và nhớ ơn những anh hùng liệt sĩ, những người có công trong sự nghiệp xây dựng và giữ nước từ xưa đến nay (27/7)

+ Toàn dân biết ơn Đảng, Bác Hồ

+ Học trò biết ơn thầy cô giáo (20/11)

+ Những câu cao dao khuyên con người phải biết ghi nhớ những công ơn của ông bà, cha mẹ.

+ Phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng.

🡪 Truyền thống quý báu của dân tộc là 1 lẽ sống tốt đẹp. Chúng ta cần gìn giữ, phát huy

3. Lập dàn ý:

- Dàn bài gồm 3 phần:

+Mở bài: Giới thiệu về truyền thống đạo lí “Uống nước nhớ nguồn ” và “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

+ Thân bài: Chứng minh vấn đề:

 Nêu các biểu hiện đạo lí (lí lẽ, dẫn chứng) theo trình tự thời gian – chiều dọc lịch sử “từ xưa đến nay”.

+ KB: Khẳng định vấn đề.

 ý thức của bản thân trong việc gìn giữ và phát huy truyền thống đạo lí ấy.

3. Viết bài

- Yêu cầu + Viết đoạn mở bài

+ Đoạn thân bài

+ Đoạn kết bài

**II. Luyện tập**

**Tuần 24**

 **Tiết 94: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (Tiếp theo)**

**I. Công dụng của trạng ngữ:**

1. Ví dụ:

 2. Nhận xét

a. -Thường thường, vào khoảng đó ,

 - Sáng dậy ,

 - Chỉ độ 8,9 giờ sáng ,

*->* Chỉ thời gian.

 - Trên dàn thiên lí ,

 - Trên nền trời trong trong ,

-> Chỉ địa diểm.

b. Về mùa đông ,

-> Chỉ thời gian.

- Các trạng ngữ trên có tác dụng liên kết giữa các câu tạo thành mạch thống nhất

-> Không nên lược bỏ TN vì lược bỏ nội dung đoạn văn không đầy đủ.

- Trong văn nghị luận, phải sắp xếp luận cứ theo những trình tự nhất định (th.gian, kh.gian, ng.nhân-k.quả...) -> Nối kết các câu, các đoạn làm cho bài văn mạch lạc.

 Ghi nhớ: sgk/46.

**II. Tách trạng ngữ thành câu riêng:**

 1. Ví dụ:

 2. Nhận xét:

- TN thứ 2 được tách thành câu riêng.

- Tác dụng: Nhấn mạnh ý.

 Ghi nhớ 2: sgk (47).

**III. Luyện tập:**

**1. Bài tập 1:**

a. Ở loại bài thứ nhất; Ở loại bài thứ 2

b. Đã bao lần; Lần đầu tiên chập chững bước đi; lần đầu tiên tập bơi; lần đầu tiên chơi bóng bàn; lúc còn học phổ thông ,

=> Trong 2 đoạn trích trên, trạng ngữ vừa có tác dụng bổ sung những thông tin tình huống, vừa có tác dụng liên kết luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, giúp cho bài văn trở nên rõ ràng dễ hiểu

 **2. Bài tập 2:**

- Năm 72 – trạng ngữ chỉ thời gian có tác dụng nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước

- Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn – Có tác dụng làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu (Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xõa gối). Nếu không tách trạng ngữ ra thành câu riêng, thông tin ở nòng cốt có thể bị thông tin ở trạng ngữ lấn át (bởi ở vị trí cuối câu, trạng ngữ có ưu thế được nhấn mạnh về thông tin). Sau nữa việc tách câu như vậy còn có tác dụng nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu

**3. Bài tập 3:**

Xác định và gọi tên trạng ngữ:

- Sáng hôm ấy, tôi dậy sớm hơn mọi ngày.-> TN chỉ thời gian.

- Giữa mùa vàng lúa chín, hiện lên một cái chòi canh.-> TN chỉ nơi chốn.

 **---------------------------------------------------------------------------------------------**

***TIẾT 95-96*. CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**I. Câu chủ động và câu bị động:**

**1. Bài tập:**

a. Mọi người yêu mến em

 CN

b. Em được mọi người yêu mến.

 - So sánh ý nghĩa của chủ ngữ trong câu:

+ Chủ ngữ trong câu a biểu thị người thực hiện một hoạt động hướng đến người khác ->Chủ ngữ là chủ thể của hoạt động.

+ Chủ ngữ trong câu b biểu thị người được hoạt động của người khác hướng đến.

Chủ ngữ là đối tượng của hoạt động.

***2. Kết luận:***

\*Ghi nhớ 1 - SGK

**II. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:**

**1. Bài tập:**

Chọn câu: *Em được mọi người yêu mến*

Mục đích: Nó giúp cho việc liên kết các câu trong đoạn được tốt hơn:

+ Câu đi trước đã nói về Thuỷ ( em tôi) vì vậy sẽ hợp lôgic hơn nếu câu sau vẫn tiếp tục nói chủ ngữ về Thuỷ (CN: Em)

**2.Kết luận:**Ghi nhớ 2:

**III. Luyện tập:**

Bài tập 1:

*Tìm câu bị động, giải thích tại sao tác giả chọn cách viết như vậy:*

- Có khi (cái thứ của quý) được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê.

- Tác giả "Mấy vần thơ" liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.

🡪 Chọn câu bị động

+ Tránh lặp mô hình câu

+ Tạo sự liên kết nội dung chặt chẽ, cụ thể

Bài tập 2:

Tìm câu bị động tương ứng:

1. Thuyền được người lái đò đẩy ra xa.

2. Bác được nhiều người tin yêu.

3. Đá được người ta chuyển lên xe.

4. Em bé được mẹ rửa chân.

5. Tàu bị bọn xấu ném đá lên.